TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Lộc, ngày 21 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị H - Sinh năm: 1995;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã H, huyện V, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh T.

* *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn H1 - Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện V, tỉnh T.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/02/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, chị Bùi Thị H và bị đơn, anh Đỗ Văn H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***** ***Về hôn nhân:*** Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

***** ***Về con chung:*** Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung, các cháu tên là Đỗ Minh H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 19/02/2016 và Đỗ Minh H3 (Giới tính: Nam), sinh ngày 11/9/2017; Hiện nay cả 02 cháu đều phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có ý kiến chung thống nhất, là: Giao Đỗ Minh H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 19/02/2016 cho anh Đỗ Văn H1 (bố đẻ cháu) trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H2 thành niên (đủ 18 tuổi); Giao cháu Đỗ Minh H3 (Giới tính: Nam), sinh ngày 11/9/2017 cho chị Bùi Thị H (mẹ đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu H3 thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản chị H và anh H1 thực hiện quyền này.

Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

***** *Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác*: Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

***** *Về án phí:* Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; Chị Bùi Thị H chịu toàn bộ tiền án phí DS-HNGĐ sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng chị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004821, ngày 30/01/2023. Trả lại cho chị Bùi Thị H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Anh Đỗ Văn H1 không phải nộp tiền án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T,
huyện T, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn